**I. POUCZENIE O UPRAWNIENIACH I OBOWIĄZKACH** **PODEJRZANEGO W POSTĘPOWANIU KARNYM**

 **I. HƯỚNG DẪN VỀ QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGHI**

 **PHẠM TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ**

Nguồn: Công Báo năm 2015, mục 893 (Dz. U. z 2015 r. poz. 893)

 Trong tố tụng hình sự nghi can được hưởng các quyền sau đây:

1. Quyền được đưa ra những lời giải thích, kể cả bằng văn bản, quyền được từ chối đưa ra những lời giải thích hoặc từ chối trả lời các câu hỏi riêng biệt, mà không cần phải nêu nguyên nhân từ chối (điều 175 § 1, điều 176 § 1 )\*. Trong trường hợp có giấy triệu tập phải đích thân trình diện, lý giải cho sự vắng mặt vì ốm đau chỉ có thể được chấp nhận sau khi đệ trình chứng nhận y tế do bác sỹ tòa án xác nhận. Mọi giấy cho nghỉ khác là không đủ (điều 117 § 2a).§
2. Có thể được sử dụng sự giúp đỡ của luật sư bào chữa do mình chọn. Nếu nghi phạm chứng minh được việc không có khả năng thuê luật sư bào chữa, tòa có thể chỉ định luật sư của chính quyền (điều 78 § 1). Số luật sư bào chữa đồng thời, không thể có nhiều hơn ba (điều 77). Trong trường hợp bị kết án hoặc đóng băng có điều kiện tố tụng hình sự, nghi phạm có thể bị truy nộp các chi phí bào chữa từ chính quyền (điều 627, điều 629).
3. Theo yêu cầu của nghi phạm luật sư bào chữa có thể có mặt khi xét hỏi (điều 301).
4. Nếu nghi phạm không thông thạo tiếng Ba Lan – thì được quyền sử dụng miễn phí phiên dịch viên, kể cả lúc tiếp xúc với luật sư bào chữa (điều 72 § 1).

 5. Quyền được thông báo về nội dung các lời buộc tội, các bổ sung những lời buộc tội đó cùng những thay đổi và việc xếp loại về pháp tội trạng bị cáo buộc (điều 313 § 1, điều 314, điều 325a §2 và điều 325g § 2).

6. Quyền được nộp các đề nghị, yêu cầu thực hiện các công việc tra hoặc thẩm tra, chẳng hạn xét hỏi nhân chứng, cung cấp tài liệu, được biết thẩm định của chuyên viên (điều 315 § 1, điều 325a § 2). Nếu tồn tại mối lo ngại là không thể xét hỏi được nhân chứng phiên tòa xét xử, nghi phạm có thể yêu cầu tòa án xét hỏi hoặc đề nghị công tố viên xét hỏi theo phương thức đó (điều 316 § 3).

 7. Quyền được xem hồ sơ vụ việc, được sao chép và làm bản sao. Có thể bị từ chối được xem hồ sơ vì lý do quyền lợi quan trọng của quốc gia hoặc lợi ích tố tụng (điều 156 § 5).

 8. Quyền được nộp yêu cầu cho tìm hiểu các tài liệu điều tra hoặc thẩm tra trước khi các quá trình này kết thúc. Trong khi tiến hành các công việc này, luật sư bào chữa có thể cùng tham gia với nghi phạm (điều 321 § 1 và § 3, điều 325a § 2).

 9. Quyền được nộp yêu cầu đề nghị chuyển vụ việc đến tố tụng đàm phán nhằm mục đích thỏa thuận với bên bị hại (điều 23a). Việc tham gia trong tố tụng đàm phán là tự nguyện. Các kết quả tích cưc của các cuộc đàm phán được tiến hành sẽ được tòa án lưu ý khi tuyên án (điều 53 § 3 đạo luật ra ngày 6 tháng 6 năm 1997 – Bộ Luật Hình Sự, Công Báo số 88, mục 553 với những thay đổi về sau – Dz. U. Nr 88, poz. 553, z późn. zm.).

 10. Nếu kẻ gây ántrước đây chưa bị kết án vì tội phạm cố tình có sử dụng bạo lực mà trước khi ra phiên tòa xét xử đã bồi thường thiệt hại hoặc đã làm thỏa mãn do thiệt hại đã gây nên, theo đề nghị của bên bị hại, có thể đóng băng tố tụng hình sự vì tội phạm bị đe dọa bằng bản án không quá 3 năm tù giam, vì tội phạm gây thiệt hại về tài sản bị đe dọa bằng bản án tù giam không quá 5 năm và tội phạm được nêu trong điều 157 § 1 Bộ Luật Hình Sự về việc gây thiệt hại về cơ thể khác với nặng nề (điều 59a Bộ Luật Hình Sự).

 11. Quyền được thỏa thuận với công tố viên về việc đề nghị ra bản án và tuyên hình phạt do tòa quyết định hoặc các phương tiện khác mà không cần phải tiến hành chứng minh (điều 335 § 1). Đề nghị này có thể được tòa cưu xét nếu bên bị hại không phản kháng (điều 343 § 2). Đề nghị này cũng có thể tự nộp trước khi được trao giấy thông báo về thời hạn phiên tòa (điều 338a) hoặc tại phiên tòa, tới thời điểm kết thúc phiên xét hỏi tất cả các bị can (điều 387 § 1), song lúc đó tòa chỉ có cưu xét khi công tố viên và bên bị hại không phản kháng (điều 343 § 2, điều 343a § 2, điều 387 § 2). Nếu tòa cưu xét đề nghị trên thì có thể áp dụng hình thức giảm nhẹ đặc biệt hình phạt (điều 60a Bộ Luật Hình Sự). Trong vụ việc về tội ác chỉ có thể xảy ra khi đề nghị được nộp trước khi trao gấy thông báo về thời hạn phiên tòa (điều 387 § 4). Trong vụ việc tội phạm bị đe dọa bằng bản án không cao quá 5 năm tù giam tòa có thể rút tuyên án mà tuyên bằng phương tiện khác (điều 60a Bộ Luật Hình Sự)

 12. Trong tố tụng cấp tốc, trong trường hợp đảm bảo cho nghi phạm được tham gia quá trình tố tụng bằng con đường hội nghị vidio, Cảnh Sát sẽ trao cho nghi phạm yêu cầu về tìm hiểu vụ việc (điều 517b § 2a, điều 517e § 1a). Nghi phạm có thể nêu yêu cầu và tuyên bố, đồng thời thực hiện các công việc xét xử chỉ bằng miệng để ghi vào biên bản. Các giấy tờ xét xử không thể chuyển đến tòa, có thể được đọc tại phiên xét xử (điều 517ea § 1, và § 2). Cũng bằng cách đó luật sư bào chữa và phiên dịch viên cũng được đảm bảo sự tham gia trong tố tụng (điều 517b § 2c-2d). Trong tố tụng cấp tốc yêu cầu về nêu lý do bản án có thể được trình bày bằng miệng để ghi vào biên bản hoặc nộp văn bản trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày công bố bàn án; thời hạn nộp kháng án là 7 ngày (điều 517h § 1 và § 3). Nghi phạm không có trách nhiệm chứng minh sự vô tội của mình cũng như không có trách nhiệm cung cấp các bằng chứng bất lợi cho mình (điều 74 § 1). Tuy nhiên phải có trách nhiệm chấp hành:

 1. kiểm tra thân thể và các cuộc kiểm tra không kết hợp với việc vi phạm thân thể, lấy vân tay, chụp ảnh và đưa cho người khác xem ( điều 74 § 2 điểm 1)

 2. các nghiên cứu về tâm sinh lý và các nghiên cứu được thực hiện trên cơ thể, trừ phẩu thuật, với điều kiện là các nghiên cứu này không gây nguy hại cho sức khỏe, nếu việc tiến hành các nghiên cứu này là cần thiết (đặc biệt là lấy máu, tóc hoặc những bài tiết của

cơ thể chẳng hạn như nước bọt); các cuộc nghiên cứu phải được tiến hành bởi nhân viên cơ quan y tế được phép (điều 74 § 2, điểm 2);

 3. việc cảnh sát lấy vết lau trên má, nếu việc đó là cần thiết và không gây nguy hại cho sức khỏe (điều 74 § 2 điểm 3).

Việc không thực hiện các trách nhiệm này có thể dẫn đến việc bắt giữ và dẫn dắt bắt buộc đối với nghi phạm cũng như dẫn đến hậu quả áp dụng vũ lực đối với nghi phạm trong phạm vi cần thiết nhằm khống chế nghi phạm (điều 74, khoản 3a).

 Nghi phạm còn có trách nhiệm:

 1. trình diện mỗi khi được gọi và thông báo cho cơ quan tiến hành tố tụng mỗi lần thay đổi nơi cư trú kéo dài trên 7 ngày, ngay cả trong trường hợp đang ngồi tù vì vụ việc khác; trong trường hợp không trình diện nghi phạm có thể bị bắt giữ và bị dẫn dắt một cách bắt buộc (điều 75 § 1 và § 2);

 2. cung cấp địa chỉ để liên lạc bằng thư tín (điều 132 §1 và § 2); trong trường hợp ngược lại, các công việc và phiên xét xử sẽ được tiến hành không có sự có mặt của nghi phạm; việc không cung cấp địa chỉ cũng không tạo điều kiện để nộp các kiến nghị, khiển trách,

hoặc kháng án vì lý do quá hạn (điều 133 § 2);

 3. cung cấp địa chỉ ở trong nước để trao thư tín, khi ra nước ngoài, trong trường hợp ngược lại, thư tín được gửi theo địa chỉ được biết gần đây nhất sẽ được coi là đã được trao hữu hiệu và các công việc hoặc phiên xét xử sẽ được tiến hành không có sự có mặt của nghi phạm; việc không cung cấp địa chỉ cũng không tạo điều kiện để nộp các kiến nghị, khiển trách hoặc kháng án vì lý do quá hạn (điều 138);

 4. cung cấp địa chỉ mới trong trường hợp thay đổi chổ ở hoặc nơi cư trú bao gồm cả trường hợp đang ngồi tù trong vụ việc khác; trường hợp ngược lại công văn gửi theo địa chỉ củ sẽ được coi là đã được trao hữu hiệu và công việc hoặc phiên xét xử sẽ được tiến hành không có sự có mặt của nghi phạm; việc không cung cấp địa chỉ cũng không tạo điều kiện để nộp các kiến nghị, khiển trach hoặc kháng án vì lý do quá hạn (điều 139).

 „Tôi xác nhận đã nhận được bản hướng dẫn”

 ----------------------------------------------------

 (Ngày tháng năm, ký tên)

\* Nếu không chỉ rõ cơ sở pháp luật nào khác thì các qui định trong thể hiện các điều khoản của bộ luật ra ngày 6 tháng 6 năm 1997 – Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự (Công Báo số 89, mục 555 với những thay đổi về sau).

**II. POUCZENIE O UPRAWNIENIACH ZATRZYNANEGO NA** **PODSTAWIE EUROPEJSKIEGO NAKAZU ARESZTOWANIA.**

 **II. HƯỚNG DẪN VỀ QUYỀN** **CỦA NGƯỜI BỊ BẮT GIỮ TRÊN** **CƠ SỞ LỆNH BẮT GIAM CỦA CHÂU ÂU**

Nguồn: Công Báo năm 2015, mục 874 (Dz. U. z 2015 r. poz. 874)

Người bị bắt giữ trên cơ sởlệnh bắt giam của châu Âuđược hưởng các quyền dưới đây:

 1. Quyền được cấp thông tin về nguyên nhân bị bắt giữ và quyền được xét hỏi (điều 244 § 2)\*.

 2. Quyền được nộp giải thích, từ chối giải thích hoặc từ chối trả lời những câu hỏi nhất định mà không cần đưa ra nguyên nhân từ chối (điều 175 § 1) và quyền nộp hoặc từ chối nộp tuyên bố trong vụ việc của mình (điều 244 § 3).

 3. Quyền được tiếp xúc ngay tức khắc với luật sư hoặc cố vấn pháp luật và được nói chuyện trực tiếp với họ (điều 245 § 1).

 4. Quyền được sự giúp đỡ của luật sư bào chữa do mình chọn. Nếu người bị bắt giữ chứng minh được việc không có khả năng thuê luật sư bào chữa, tòa án có thể chỉ định luật sư bào chữa từ chính quyền (điều 78 § 1).

 5. Nếu người bị bắt giữ không đủ thông thạo tiếng Ba Lan thì được quyền

sử dụng phiên dịch viên miễn phí (điều 72 § 1).

 6. Quyền được nhận bản sao biên bản bắt giữ và được xem hồ sơ trong phạm vi nguyên nhân bị bắt giữ (điều 244 § 3).

 7. Quyền được thông báo cho thân nhân gần gũi nhất hoặc người khác được chỉ, cũng như người chủ, trường học, trường đại học, vị chỉ huy hoặc người quản lý xí nghiệp của người bị bắt giữ hoặc xí nghiệp mà người bị bắt giữ chịu trách nhiệm, về việc bị bắt giữ (điều 245 § 2, điều 261 § 1, § 2 và § 3). Cảnh sát thông báo về việc bắt giữ cho cơ quan đang tiến hành tố tụng đối với người bị bắt giữ trong vụ việc khác, nếu như biết về điều đó (điều 261 § 2a).

 8. Nếu người bị bắt giữ không phải là công dân Ba Lan thì có quyền được tiếp xúc với cơ quan lãnh sự hoặc đại diện ngoại giao của nước mà người bị bắt giữ là công dân. Nếu không có quốc tịch của bất kỳ quốc gia nào thì được quyền tiếp xúc với đại diện của nhà nước mà người bị bắt giữ thường trú (điều 612 § 2). Trong trường hợp áp dụng tạm giam sẽ thông báo cho cơ quan lãnh sự hoặc cơ quan ngoại giao của nhà nước mà người bị bắt giữ là công dân (điều 612 § 1). Nếu có hiệp định lãnh sự giữa Ba Lan và nhà nước mà người bị bắt giữ là công dân, cơ quan lãnh sự thích ứng hoặc cơ quan ngoại giao sẽ được thông báo về việc bắt giữ ngay cả khi người bị bắt giữ không yêu cầu.

 9. Quyền được nộp tới tòa án khiếu nại về việc bắt giữ trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày bị bắt giữ. Trong khiếu nại có thể đòi hỏi nghiên cứu về tính nguyên tắc, sự hợp pháp và chuẩn mực khi bị bắt giữ (điều 246 § 1)

 10. Quyền được thả ngay tức khắc, nếu nguyên nhân bắt giữ không còn tồn tại, hoặc 48 giờ đã trôi qua kể từ lúc bị bắt giữ, nếu như người bị bắt giữ trong thời gian này không được chuyển đến tòa án để quản lý, với yêu cầu áp dụng tạm giam. Trong trường hợp chuyển đến tòa án quản lý người bị bắt sẽ được thả, nếu trong vòng 24 tiếng kể từ lúc chuyển giao không trao cho người bị bắt giữ quyết định về áp dụng tạm giam (điều 248 § 1 và § 2).

 11. Quyền được thông tin về nội dung lệnh bắt giữ của châu Âu (điều 607k § 2) và được nhận bản sao cùng bản dịch và bản thông báo về phiên họp của tòa án về vấn đề chuyển giao và tạm giam. Nếu vì những bối cảnh đặc biệt người ta không lập bản dịch, tòa quyết định phải tiến hành dịch hoặc thông báo về nội dung lệnh bắt giam của châu Âu (điều 607l § 1a).

 12. Quyền nộp bản tuyên bố trong vấn đề chuyển giao và quyền được bày tỏ sự đồng ý chuyển giao và truy xét các tội phạm khác hơn là đã chứa trong kiến nghị về chuyển giao, bao gồm cả sự đồng ý thực hiện hình phạt giam tù hoặc các phương tiện dựa trên việc truất quyền tự do vì những tội phạm này (điều 607l § 2). Không thể rút lui sự đồng ý này. Kết quả của việc bày tỏ sự đồng ý là thúc đẩy nhanh quá trình tố tụng trong vấn đề lệnh bắt giam của châu Âu (điều 607k § 2, điều 607l § 2, điều 607m § 1 và § 1a, điều 607n § 1).

 13. Quyền được nộp khiếu nại về việc chuyển giao trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày thông báo quyết định, còn trong trường hợp không dẫn người bị bắt giữ đến phiên tòa thì tính từ ngày trao quyết định (điều 607l §3).

 14. Được tiếp cận với sự trợ cứu y tế cần thiết.

 Thể theo yêu cầu của quốc gia đã đề xuất lệnh bắt giam châu Âu, có thể áp dụng tạm giam trong thời hạn không quá 7 ngày trước khi lệnh bắt giam châu Âu được chuyển đến và sau đó là thời hạn cần thiết để chuyển giao, không lâu quá 100 ngày (điều 607k § 3 và 3a).

 „Tôi xác nhận đã nhận được bản hướng dẫn”

 -----------------------------------------------------

 (ngày tháng năm, ký tên)

\* Nếu không chỉ rõ cơ sở luật pháp nào khác thì các qui định trong ngoặc thể hiện các điều khoản của bộ luật ra ngày 6 tháng 6 năm 1997 – Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự (Công Báo số 89, mục 555 với những thay đổi về sau).

1. **POUCZENIE O UPRAWNIENIACH ZATRZYMANEGO W POSTĘPOWANIU KARNYM**

**III. HƯỚNG DẪN VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI BỊ BẮT GIŨ TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ**

Nguồn:Công Báo năm 2015, mục 835 (Dz. U. z 2015 r. poz. 835)

Người bị bắt giữ trong tố tụng hình sự được hưởng những quyền dưới đây:

1. Quyền được cấp thông tin về nguyên nhân bị bắt giữ và quyền được xét hỏi (điều 244 § 2) \*.
2. Quyền được nộp hoặc từ chối nộp bản tuyên bố về vụ việc của mình (điều 244 § 3).
3. Quyền được tiếp xúc ngay tức khắc với luật sư hoặc cố vấn pháp luật và được trực tiếp nói chuyện với họ (điều 245 § 1).
4. Nếu người bắt giữ không đủ thông thạo tiếng Ba Lan thì có quyền được sử dụng phiên dịch viên miễn phí (điều 72 § 1).
5. Quyền được nhận bản sao biên bản bắt giữ (điều 244 § 3).
6. Quyền được thông báo cho thân nhân gần gũi nhất hoặc người khác được chỉ, cũng như cho người chủ, trường học, trường đại học, vị chỉ huy hoặc người quản lý xí nghiệp của người bị bắt giữ hoặc xí nghiệp mà người bị bắt giữ chịu trách nhiệm, về việc bắt giữ (điều 245 § 2, điều 261 § 1, § 2 và § 3). Cảnh sát thông báo cho cơ quan đang tiến hành tố tụng đối với người bị bắt giữ trong vụ việc khác nếu biết về điều đó (điều 261 § 2a).
7. Nếu người bị bắt giữ không phải là công dân Ba Lan thì có quyền liên hệ với cơ quan lãnh sự hoặc đại diện ngoại giao của nhà nước mà người bị bắt giữ là công dân. Nếu không có quốc tịch của bất kỳ quốc gia nào thì có quyền tiếp xúc với đại diện của quốc gia mà người bị bắt giữ thường trú (điều 612 § 2). Nếu có hiệp định lãnh sự giữa Ba Lan và quốc gia mà người bị bắt giữ là công dân, cơ quan lãnh sự thích ứng hoặc đại diện ngoại giao sẽ được thông báo về việc bắt giữ mà không cần người bị bắt giữ yêu cầu.
8. Quyền nộp đến tòa án khiếu nại về việc bắt giữ trong thời hạn 7 ngày kể từ khi bị bắt giữ. Trong khiếu nại có thể đòi hỏi nghiên cứu về tính nguyên tắc, sự hợp pháp và chuẩn mực khi bị bắt giữ (điều 246 § 1).
9. Quyền được thả ngay tức khắc nếu nguyên nhân bị bắt giữ không còn tồn tại hoặc sau 48 giờ kể từ khi bị bắt giữ, nếu như trong thời gian này người bị bắt giữ không được chuyển đến tòa án với yêu cầu áp dụng tạm giam. Trong trường hợp được chuyển đến tòa án người bị bắt giữ sẽ được thả nếu trong vòng 24 giờ không trao cho người bị bắt giữ quyết định về áp dụng tạm giam (điều 248 § 1 và § 2).
10. Được tiếp cận với trợ cứu y tế cần thiết.

 „**Tôi xác nhận đã nhận được bản hướng dẫn”**

 **----------------------------------------------------------**

 (ngày tháng năm, ký tên)

\* Nếu không chỉ rõ cơ sở luật pháp nào khác thì các qui định trong ngoặc thể hiện các điều khoản thích hợp của bộ luật ra ngày 6 tháng 6 năm 1997 – Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự (Công Báo số 89, 555 với những thay đổi về sau – Dz. U. Nr 89, poz. 555, z późn. zm.).

1. **POUCZENIE O UPRAWNIENIACH TYMCZASOWO ARESZTOWANEGO W POSTĘPOWANIU KARNYM**
2. **HƯỚNG DẪN VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIAM TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ**

Nguồn: Công Báo năm 2015, mục 885 (Dz. U. z 2015 r. poz. 885)

Người bị tạm giam được hưởng những quyền dưới đây:

1. Quyền được nộp giải thích, từ chối nộp giải thích hoặc từ chối trả lời những câu hỏi nhất định, mà không cần phải đưa ra nguyên nhân từ chối (điều 175 § 1).\*

2. Quyền được sử dụng sự giúp đỡ của luật sư bào chữa do mình chọn. Nếu người bị tạm giam chứng minh đươc việc không có khả năng thuê luật sư bào chữa, tòa có thể chỉ định luật sư bào chữa từ chính quyền (điều 78 § 1). Theo đòi hỏi của người bị tạm giam mà không có luật sư bào chữa, và bất luận về tình trạng tài sản của người bị tạm giam, tòa chỉ định luật sư bào chữa từ chính quyền dự phiên họp của tòa liên quan đến việc kéo dài áp dụng tạm giam và tìm hiểu về khiếu nại áp dụng tạm giam hoặc kéo dài áp dụng biện pháp này (điều 249 § 5). Trong trường hợp bị kết án hoặc đóng băng có điều kiện quá trình tố tụng hình sự người bị tạm giam có thể bị truy nộp các chi phí bào chữa từ chính quyền (điều 627, điều 629).

3. Nếu người bị tạm giam không đủ thông thạo tiếng Ba Lan thì được sử dụng sự giúp đỡ miễn phí của phiên dịch viên (điều 72 § 1).

4. Quyền được thông báo cho thân nhân gần gũi nhất hoặc người khác được chỉ cũng như người chủ, trường học, trường đại học, vị chỉ huy và người quản lý xí nghiệp của người bị tạm giam hoặc xí nghiệp mà người bị tạm giam chịu trách nhiệm, về việc bị tạm giam (điều 261 § 1, § 2 và § 3). Về việc tạm giam, tòa sẽ thông báo cho cơ quan đang tiến hành tố tụng đối với người tạm giam, nếu như biết về việc đó (điều 261 § 2a).

5. Nếu người bị tạm giam không phải là công dân Ba Lan thì có quyền tiếp xúc với cơ quan lãnh sự hoặc đại diện ngoại giao của quốc gia mà người bị tạm giam là công dân (điều 612 § 1). Nếu có hiệp định lãnh sự giữa Ba Lan với quốc gia mà người bị tạm giam là công dân, cơ quan lãnh sự thích hợp hoặc đại diện ngoại giao sẽ được thông báo mà không cần người bị tạm giam yêu cầu

6. Quyền được cấp thông tin về nội dung tội phạm bị cáo buộc, những bổ sung và thay đổi, cũng như loại hình pháp lý của tội phạm bị cáo buộc (điều 313 § 1, điều 314, điều 325a § 2 và điều 325g § 2).

7. Quyền được xem hồ sơ trong phần chứa các tang chứng được nêu trong yêu cầu áp dụng hoặc kéo dài thời hạn tạm giam (điều 156 § 5a).

8. Quyền được nộp cho tòa khiếu nại về việc tạm giam trong thời hạn 7 ngày kể từ khi nhận được bản sao quyết định về áp dụng hoặc kéo dài tạm giam (điều 252).

9. Quyền được nộp yêu cầu hủy bỏ hoặc thay đổi tạm giam sang biện pháp ngăn chặn khác, không kết hợp với bị giam. Biện pháp này có thể là sự quản chế của cảnh sát hoặc quản chế của vị chỉ huy quân đội, thế chấp tài sản hoặc bản thân, lệnh cấm xuất cảnh ra khỏi nước, trách nhiệm rời bỏ nhà, căn hộ cùng cư trú với người bị hại, đình chỉ các trách nhiệm trong công việc hoặc trong khi thực hiện nghề nghiệp, dừng một số các hoạt động nhất định hoặc không được lái xe. Yêu cầu sẽ được công tố viên hoặc tòa xử lý trong vòng 3 ngày. Đối với quyết định của công tố viên hoặc tòa, người bị tạm giam có thể nộp khiếu nại chỉ khi yêu cầu được nộp sau thời hạn ít nhất là 3 tháng kể từ ngày ra quyết định lần trước về vấn đề tạm giam (điều 254 § 1 và § 2).

10. Quyền được đảm bảo sự trợ cứu y tế cần thiết.

 „Tôi xác nhận đã nhận được bản hướng dẫn”

 ------------------------------------------------------

 (ngày tháng năm, ký tên)

\* Nếu không chỉ rõ cơ sở pháp luật nào khác thì các qui định trong ngoặc thể hiện các điều khoản thích hợp của bộ luật ra ngày 6 tháng 6 năm 1997 – Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự (Công Báo số 89, mục 555 với những thay đổi về sau)

**V. POUCZENIE O UPRAWNIENIACH I OBOWIĄZKACH** **POKRZYWDZONEGO W POSTĘPOWANIU KARNYM**

1. **HƯỚNG DẪN VỀ QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI BỊ HẠI TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ .**

Nguồn: Công Báo năm 2015, mục 848 (Dz. U. z 2015 r. poz. 848)

 Cá nhân hoặc pháp nhân mà lợi ích bị tổn hại trực tiếp hoặc bị đe dọa thông qua tội phạm là người bị hại trong tố tụng hình sự (điều 49 § 1)\*. Người đại diện hoặc người đỡ đầu cho người bị hại nhỏ tuổi, bị mất toàn bộ hoặc từng phần khả năng tự xử lý hoặc không tự chủ có thể thực hiện các quyền lợi của người bị hại (điều 51). Thân nhân gần gũi nhất hoặc người nuôi dưỡng người bị hại đã chết có thể thực hiện các quyền lợi của người bị hại (điều 52).

 Trong tố tụng chuẩn bị trước khi đưa vụ việc ra tòa người bị hại là một bên của quá trình xét xử (điều 299 § 1). Trong tố tụng tại tòa có thể là một bên (người truy tố bổ sung), nếu như việc đó được đòi hỏi cho đến thời điểm mở phiên tòa xét xử (điều 53 và điều 54 § 1). Vì vậy người bị hại được hưởng những quyền lợi dưới đây:

1. Quyền được sử dụng sự giúp đỡ của người toàn quyền do mình chọn, người đó có thể là luật sư hoặc cố vấn tư pháp. Không thể đồng thời có nhiều hơn ba người toàn quyền. Phụ thuộc vào kết quả xét xử chi phí thuê người toàn quyền có thể được truy cập cho bị cáo (điều 627 – 629). Nếu người bị hại chứng minh được việc không đủ điều kiện để thuê người toàn quyền, thì tòa sẽ chỉ định người toàn quyền từ chính quyền (điều 78 § 1, điều 87 § 1 và § 2, điều 88), Trong tố tụng tòa án, thể theo đòi hỏi của người bị hại và bất luận tình trạng tài sản của người bị hại, tòa chỉ định người toàn quyền từ chính quyền; phụ thuộc vào kết quả xét xử, người bị hại có thể bị truy nộp các chi phí việc thuê người toàn quyền như vậy (điều 87a).
2. Quyền được sử dụng phiên dịch viên miễn phí trong khi xét hỏi hoặc tìm hiểu nội dung bằng chứng nếu người bị hại không nói được tiếng Ba Lan, cũng như xét hỏi nhân chứng khi cần thiết – nếu người đó bị câm hoặc điếc (điều 204 § 1 và § 2).

3. Quyền được nộp khiếu nại đối với quyết định về việc từ chối triển khai hoặc đình chỉ điều tra hoặc thẩm tra và khiếu nại vì sự bất lực, nếu trong vòng 6 tuần kể từ ngày người bị hại nộp thông báo về tội phạm mà không nhận được thông báo về việc bắt đầu điều tra hoặc thẩm tra (điều 306 § 1 - § 1a, § 3, điều 325a § 2).

1. Quyền được nộp yêu cầu về việc thực hiện các công việc điều tra hoặc thẩm tra, ví dụ xét hỏi nhân chứng, tiếp nhận tài liệu, truy cập ý kiến của chuyên viên (điều 315 § 1, điều 325a § 2). Nếu tồn tại sự lo lắng là tại phiên tòa xét xử không thể xét hỏi nhân chứng, thì người bị hại có thể yêu cầu tòa xét hỏi hoặc yêu cầu công tố viên xét hỏi trong thể thức như vậy (điều 316 § 3).
2. Quyền được tham gia vào các công việc tố tụng được tiến hành theo yêu cầu của người bị hại và các công việc không thể lặp lại trong phiên tòa xét xử, bao gồm việc lấy bằng chứng. Trong các công việc này người toàn quyền của người bị hại cũng có thể tham gia (điều 315 – điều 316). Trong trường hợp đặc biệt có cơ sở, có thể từ chối việc cho phép người bị hại và người toàn quyền tham gia vào các công việc này vì lợi ích của tố tụng (điều 317 § 2). Người bị hại được trả lại chi phí trình diện theo giấy triệu tập (điều 618a – điều 618e và điều 618j). Trong trường hợp được triệu tập phải đích thân trình diện, lý giải cho sự vắng mặt vì bệnh tật chỉ có thể, duy nhất sau khi đã trình giấy chứng nhận do bác sỹ tòa án cấp. Các chứng nhận cho nghỉ khác là không đủ (điều 117 § 2a).
3. Quyền được nghe chuyên viên trình bày và quyền được tìm hiểu ý kiến của chuyên viên bằng văn bản (điều 318).

7. Quyền được đột nhập tới hồ sơ vụ việc, được sao chép sao và lập bản sao. Có thể bị từ chối đột nhập tới hồ sơ vì lợi ích quan trọng của quốc gia hoặc lợi ích của quá trình tố tụng (điều 156 § 5).

8. Quyền được nộp yêu cầu tìm hiểu các tài liệu điều tra hoặc thẩm tra trước khi các công việc này kết thúc. Trong khi thực hiện các công việc này, người toàn quyền được tham gia cùng người bị hại (điều 321 § 1 và § 3, điều 325a § 2).

9. Quyền được nộp yêu cầu chuyển vụ việc đến tố tụng đàm phán nhằm hòa giải với nghi phạm (điều 23a). Kết quả tốt đẹp của các cuộc hòa giải sẽ được tòa lưu ý khi kết án (điều 53 § 3 bộ luật ra ngày 6 tháng 6 năm 1997, – Bộ Luật Hình Sự, Công Báo số 88, mục 553 với những thay đổi về sau).

10. Quyền được nộp yêu cầu sửa chữa thiệt hại hoặc làm hài lòng do thiệt hại gây nên trước khi đóng luận cứ xét xử của tòa (điều 49a).

11. Quyền được nộp yêu cầu đóng băng tố tụng hình sự vỉ tội phạm bị đe dọa án phạt không quá 3 năm tù giam, vì tội phạm về tài sản bị đe dọa án phạt không quá 5 năm tù giam và các tội được kê trong điều 157 § 1 về tội gây thương tích cho cơ thể không quá nặng, nếu tội nhân trước đó chưa bị kết án vì tội phạm cố ý có sử dụng vũ lực, trước khi phiên tòa xét xử diễn ra đã sửa chữa thiệt hại hoặc đã làm hài lòng vì thiệt hại gây nên (điều 59a Bộ Luật Hình Sự).

12. Quyền được nhận thông tin về đình chỉ tạm giam áp dụng đối với nghi phạm hoặc bỏ trốn trại giam điều tra (điều 253 § 3).

1. Quyền được nộp khiếu nại đối với mỗi hành động vi phạm quyền lợi của người bị hại (điều 302 § , điều 459).

14. Người bị hại là công dân Ba Lan hoặc quốc gia khác thuộc Liên Minh Châu Âu có thể đề nghị nhà nước hoàn bù trên các nguyên tắc xác định trong bộ luật ra ngày 7 tháng 7 năm 2005 về việc hoàn bù của nhà nước dành cho nạn nhân của một số tội phạm (Công Báo năm 2005 số 169, mục 1415 – Dz. U. z 2005 r Nr 169, poz. 1415).

1. Địa chỉ nhà ở và địa chỉ nơi làm việc của người bị hại không được ghi rõ trong hồ sơ vụ việc. Chỉ được nêu rõ trong trường hợp hãn hửu (điều 148 § 2a - § 2c).
2. Trong trường hợp tính mạng và sức khỏe của người bị hại hoặc những thân nhân gần gũi nhất bị đe dọa, họ có thể nhận được sự bảo vệ của cảnh sát trong thời gian diễn ra kiện tụng, còn nếu mức độ đe dọa là cao, họ có thể nhận được sự bảo vệ cá nhân hoặc sự giúp đỡ trong phạm vi thay đổi chổ ở. Đề nghị về bảo vệ được gửi đến tư lệnh cảnh sát tỉnh thông qua cơ quan tiến hành tố tụng hoặc tới tòa án (điều 1 – 17 bộ luật ra ngày 28 tháng 11 năm 2014 về bảo vệ và giúp đỡ người bị hại và nhân chứng, Công Báo năm 2015, mục 21 – Dz. U. z 2015 r., poz. 21).
3. Người bị hại và thân nhân gần gũi nhất có thể nhận được sự giúp đỡ y tế, tâm lý, pháp lý và vật chất trong Mạng Lưới Giúp Đỡ Những Người Bị Hại Do Tội Phạm (Công Báo số 43 § 8 điểm 1 bộ luật ra ngày 6 tháng 6 năm 1997 – Bộ Luật Hình Sự Thi Hành, Công Báo số 90, mục 557 với những thay đổi về sau – Dz. U. Nr 90, poz. 557, z późn. zm.).
4. Nếu kẻ gây án bị cấm lại gần hoặc liên hệ với người bị hại thì lệnh này, theo yêu cầu của người bị hại, có thể được thi hành tại quốc gia khác, cùng là thành viên của Liên Minh Châu Âu trên cơ sở lệnh bảo vệ của châu Âu (điều 611w – điều 611wc).

 Người bị hại có trách nhiệm:

1. Chỉ rõ địa chỉ trong nước để trao thư tín, khi đi ra nước ngoài; trong trường hợp ngược lại công văn sẽ được gửi đến địa chỉ được biết cuối cùng và sẽ được công nhận là đã chuyển trao hửu hiệu, và công việc hoặc phiên xét xử sẽ được tiến hành không có sự có mặt của người bị hại; việc không cung cấp địa chỉ cũng có thể không tạo điều kiện để nộp kiến nghị, khiếu nại hoặc kháng án do đã quá hạn (điều 138);
2. Cung cấp địa chỉ mới trong trường hợp thay đổi chổ ở hoặc cư trú, kể cả vì lý do bị giam tù trong vụ việc khác; trong trường hợp ngược lại công văn được gửi theo địa chỉ hiện có sẽ được coi là được trao hửu hiệu, và công việc hoặc phiên xét xử sẽ được tiến hành không có mặt của người bị hại; việc không cung cấp địa chỉ cũng có thể không tạo điều kiện để nộp kiến nghị, khiếu nại hoặc kháng án do đã quá hạn (điều 139).

 „Tôi xác nhận đã nhận được bản hướng dẫn”

 ------------------------------------------------------

 **(ngày tháng năm, ký tên)**

\* Nếu không chỉ rõ cơ sở pháp luật nào khác thì các qui định trong ngoặc thể hiện các điều khoản thích hợp của bộ luật ra ngày 6 tháng 6 năm 1997 – Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự (Công Báo số 89, mục 555 với những thay đổi về sau – Dz. U. Nr 89, poz. 555, z późn. zm.).